

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
CÔNG NGHỆ HVC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 271/CV/HVC/2025
V/v: Giải trình số liệu BCTC Quý IV
năm 2025

Hà Nội, ngày 27 tháng 1 năm 2026

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Về việc công bố báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2025 của Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC, Công ty giải trình số liệu như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng:

Trong Quý IV năm 2025, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 354.46 tỷ đồng, tăng 265.30 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 tương ứng tỷ lệ tăng 3.98 lần. Sự tăng trưởng này tập trung chủ yếu ở lĩnh vực thi công và lắp đặt hoạt động xây dựng hạ tầng – nhà xưởng khu công nghiệp. Nhờ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý IV/2025 tăng mạnh làm cho lợi nhuận sau thuế Quý IV/2025 của Công ty đạt 17.09 tỷ tăng 9.86 tỷ đồng tương đương tăng 2.36 lần so với lợi nhuận sau thuế của cùng kỳ năm 2024. Kết quả này phản ánh rõ nét năng lực triển khai dự án, hiệu quả quản trị và định hướng chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty trong bối cảnh thị trường xây dựng và cơ điện cạnh tranh ngày càng cao.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Doanh thu hợp nhất Công ty Quý IV/2025 đạt 361.20 tỷ đồng tăng 258.13 tỷ đồng so với Doanh thu hợp nhất Quý IV/2024 tương ứng tỷ lệ tăng 3.5 lần. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất Quý IV năm 2025 tăng chủ yếu ở lĩnh vực thi công và lắp đặt hoạt động xây dựng hạ tầng – nhà xưởng khu công nghiệp tại Công ty mẹ. Doanh thu hợp nhất Quý IV/2025 tăng kéo theo lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý IV/2025 đạt 15.88 tỷ đồng tăng 8.45 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng 2.14 lần so với Quý IV/2024. Qua đó, tổng doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 700,77 tỷ đồng và lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 42,09 tỷ đồng, đánh dấu một năm tăng trưởng bứt phá cả về quy mô lẫn hiệu quả hoạt động của



HVC. Năm 2025, Ban lãnh đạo công ty đã tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động xây dựng hạ tầng – nhà xưởng khu công nghiệp tạo động lực phát triển mới cho công ty. Đặc biệt, vào cuối năm 2025 và đầu năm 2026, Công ty đã ký kết thành công nhiều hợp đồng có giá trị lớn với các đối tác uy tín, tạo nền tảng doanh thu vững chắc và tăng trưởng tích cực cho năm 2026 và các năm tiếp theo. Với định hướng phát triển dài hạn, Ban lãnh đạo Công ty đặt mục tiêu đưa HVC không chỉ duy trì vị thế trong Top 10 nhà thầu cơ điện uy tín, mà còn từng bước khẳng định thương hiệu là tổng thầu xây dựng hạ tầng – nhà xưởng khu công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam, hướng tới một doanh nghiệp có quy mô, năng lực và tầm ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực cơ điện và xây dựng nhà xưởng công nghiệp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu; Hành chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường

**HVC INVESTMENT AND
TECHNOLOGY JOINT STOCK
COMPANY**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hanoi, January 27, 2026

No.: **271A/**CV/HVC/2025
*Re: Explanation of Financial Statement
Figures for Q4 2025*
To: **State Securities Commission
The Ho Chi Minh Stock Exchange**

With regard to the disclosure of the separate financial statements and the consolidated financial statements for Q4/2025 of HVC Investment and Technology Joint Stock Company, the Company hereby provides explanations of the figures as follows:

1. Separate financial statements:

In Q4 2025, the Company's revenue from sales and the provision of services reached VND 354.46 billion, an increase of VND 265.30 billion compared to the same period in 2024, equivalent to a 3.98-fold increase. This growth was mainly concentrated in construction and installation activities for infrastructure development and industrial factory projects. As a result of the strong increase in revenue from sales and the provision of services in Q4/2025, the Company's profit after tax for Q4/2025 reached VND 17.09 billion, increasing by VND 9.86 billion, equivalent to a 2.36-fold increase compared to the profit after tax for the same period in 2024. These results clearly reflect the Company's project execution capability, effective management, and the sound strategic orientation of the Board of Management in the context of increasingly intense competition in the construction and M&E markets.

2. Consolidated financial statements:

The Company's consolidated revenue in Q4/2025 reached VND 361.20 billion, an increase of VND 258.13 billion compared to consolidated revenue in Q4/2024, equivalent to a 3.5-fold increase. The increase in consolidated revenue from sales and the provision of services in Q4/2025 was mainly driven by construction and installation activities for infrastructure

development and industrial factory projects at the parent company. The increase in consolidated revenue in Q4/2025 led to consolidated profit after tax for Q4/2025 reaching VND 15.88 billion, an increase of VND 8.45 billion, equivalent to a 2.14-fold increase compared to Q4/2024. Accordingly, total consolidated revenue for the full year 2025 reached VND 700.77 billion, and consolidated profit after tax reached VND 42.09 billion, marking a year of breakthrough growth in both scale and operational efficiency for HVC. In 2025, the Company's Board of Management focused on accelerating the development of infrastructure construction and industrial factory projects, creating new growth momentum for the Company. In particular, in late 2025 and early 2026, the Company successfully signed a number of large-value contracts with reputable partners, establishing a solid revenue base and positive growth prospects for 2026 and subsequent years. With a long-term development orientation, the Board of Management aims not only to maintain HVC's position among the Top 10 reputable M&E contractors, but also to gradually strengthen its brand as a leading general contractor for infrastructure and industrial factory construction in Vietnam, moving toward becoming an enterprise with significant scale, capability, and influence in the M&E and industrial factory construction sectors.

Best regards./.

LEGAL REPRESENTATIVE

(Sign and write full name.)

Recipient:

- As above;
- File; Administration

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý IV năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		650.044.109.888	342.962.432.560
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	93.420.068.125	97.975.498.572
Tiền	111		60.752.316.436	18.531.460.238
Các khoản tương đương tiền	112		32.667.751.689	79.444.038.334
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.871.880.799	25.579.720.524
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23.871.880.799	25.579.720.524
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		420.360.217.823	125.564.109.241
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	295.551.859.996	103.830.087.761
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	25.388.853.580	3.394.480.797
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	35.106.630.137	8.106.630.137
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	83.357.812.278	26.663.204.530
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(19.044.938.168)	(16.430.293.984)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		111.731.758.779	91.287.859.520
Hàng tồn kho	141	5.7	111.731.758.779	91.287.859.520
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		660.184.362	2.555.244.703
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	176.891.395	23.706.266
Thuế GTGT được khấu trừ	152		474.383.044	2.489.732.868
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.909.923	41.805.569
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		321.972.060.630	350.993.221.751
Các khoản phải thu dài hạn	210		33.000.000	33.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	33.000.000	33.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		46.693.848.784	49.369.375.310
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	46.690.648.766	49.359.775.296
- Nguyên giá	222		74.540.843.197	73.569.473.437
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.850.194.431)	(24.209.698.141)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.200.018	9.600.014
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(28.799.982)	(22.399.986)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	2.814.624.000	2.814.624.000
- Nguyên giá	231		2.814.624.000	2.814.624.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		151.482.082.656	178.015.835.737
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.12	151.482.082.656	178.015.835.737
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		119.720.047.428	119.743.182.005
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.13	119.720.047.428	119.743.182.005
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.228.457.762	1.017.204.699
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	957.246.574	955.067.713
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	271.211.188	62.136.986
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		972.016.170.518	693.955.654.311

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
NỢ PHẢI TRẢ	300		380.658.833.109	142.593.621.652
Nợ ngắn hạn	310		380.658.833.109	142.593.621.652
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	110.832.870.175	43.210.326.338
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	109.992.135.686	43.137.643.120
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	11.551.944.995	8.661.661.213
Phải trả người lao động	314		5.895.184.103	4.916.897.849
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		560.522.588	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	290.333.234	12.193.449.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	140.446.387.807	27.995.306.870
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.20	1.089.454.521	2.478.337.262
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý IV năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		591.357.337.409	551.362.032.659
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	591.357.337.409	551.362.032.659
Vốn góp của chủ sở hữu	411		434.893.340.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		434.893.340.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.490.693.200)	(4.390.693.200)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		111.141.697.109	96.956.704.305
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		69.244.539.337	78.943.725.571
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.897.157.772	18.012.978.734
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		49.812.993.500	52.347.721.554
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		972.016.170.518	693.955.654.311

Ngày 27 tháng 1 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Bích Thuận

Cao Hải Ngọc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2025		Thuyết minh	Quý IV năm 2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Quý IV năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
		Mã số				Đơn vị: VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	361.203.664.528	700.777.051.426	103.068.453.331	393.590.487.971
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	361.203.664.528	700.777.051.426	103.068.453.331	393.590.487.971
Giá vốn hàng bán	11	6.2	327.443.770.886	615.829.228.559	84.910.005.306	329.528.956.750
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.759.893.642	84.947.822.867	18.158.448.025	64.061.531.221
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.071.594.371	2.959.937.278	355.158.921	1.888.566.318
Chi phí tài chính	22	6.4	1.511.143.148	3.970.974.973	392.967.941	756.303.993
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.495.712.389	3.750.129.943	390.996.423	639.077.433
Phần lãi lỗ trong công ty liên danh liên kết	24		(37.850)	(23.134.580)	(6.595.514)	(37.767.861)
Chi phí bán hàng	25	6.5	(923.062.781)	(561.822.760)	(400.004.500)	(2.087.898.264)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	14.130.395.200	31.881.043.043	9.255.054.469	29.049.298.074
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.112.974.596	52.594.430.309	9.258.993.522	38.194.625.875
Thu nhập khác	31	6.7	36.606.637	553.853.353	405.776.487	804.443.599
Chi phí khác	32	6.8	221.669.077	396.240.463	204.236.421	637.322.136
Lợi nhuận khác	40		(185.062.440)	157.612.890	201.540.066	167.121.463
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.927.912.156	52.752.043.199	9.460.533.589	38.361.747.338
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	4.097.795.383	10.865.812.654	2.028.069.320	7.861.464.758
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(55.435.617)	(209.074.202)	-	(62.136.986)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.885.552.389	42.095.304.747	7.432.464.269	30.562.419.566
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		15.935.693.204	41.897.157.773	7.455.890.365	30.206.427.734
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(50.140.815)	198.146.974	(23.426.096)	355.991.832
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	366	963	183	743
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		366	963	183	743

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

Ngày 27 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2025

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	52.752.043.199	38.361.747.338
Điều chỉnh cho các khoản		-	
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.646.896.286	3.877.312.370
- Các khoản dự phòng	03	1.225.761.443	(676.603.680)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(220.845.030)	88.783.373
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.959.937.278)	(1.710.351.201)
- Chi phí lãi vay	06	3.750.129.943	639.077.433
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58.194.048.563	40.579.965.633
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(251.448.569.357)	77.023.895.919
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(19.883.376.671)	(3.825.985.680)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	136.090.238.822	(48.170.359.813)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(155.363.990)	449.253.405
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.459.796.709)	(639.077.433)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.340.496.474)	(2.497.254.640)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(89.003.315.816)	62.920.437.391
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	6.961.188.857	(59.759.961.658)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	6.000.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(81.114.171.274)	(25.579.720.524)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.809.881.412	3.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.633.354.437	1.470.260.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.709.746.568)	(74.869.422.101)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2025

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	(100.000.000)	44.112.017.105
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	310.282.509.845	169.853.660.440
Tiền trả nợ gốc vay	34	(197.831.428.908)	(176.721.446.292)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.193.449.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	100.157.631.937	37.244.231.253
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	97.975.498.572	72.680.252.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	93.420.068.125	97.975.498.572

Ngày 27 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 24 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 06 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 434.893.340.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi, hoạt động lắp đặt hệ thống M&E và xây dựng hạ tầng nhà xưởng công nghiệp có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 2, Tòa nhà Sophie Building, số 277B Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số các công ty con: 05 (năm) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 (năm) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không) công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Tổng thầu Xây dựng HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	96,67%	96,67%
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	95,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	Xóm Nước Hang, Phường Kỳ Sơn, Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, du lịch, nghỉ dưỡng	99,00%	99,00%
Công ty TNHH ĐT HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	Xóm Nước Hang, Phường Kỳ Sơn, Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, du lịch, nghỉ dưỡng	76,32%	76,32%

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất trên báo cáo kết quả kinh doanh

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	Xóm nước Hang, Phường Kỳ Sơn, Phú Thọ	Xây dựng nhà để ở	44,20%	45,00%

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 99,00% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty cổ phần Tổng thầu xây dựng HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 96,67% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tại ngày 30/12/2025 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,20% (tại ngày 31/12/2024 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,00%).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC ("Công ty mẹ") và năm công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên ("Công ty con"); Công ty Cổ Phần Tổng thầu Xây Dựng HVC ("Công ty con"); Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park ("Công ty con") và Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill ("Công ty con"); Công ty TNHH ĐT HVC và Hồ Gươm Hòa Bình ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho Quý IV năm 2025 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp của các công trình đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong quý 4 năm 2025 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành đối với các công trình thi công lắp đặt được xét theo từng công trình, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 8%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Tiền mặt	577.840.539	402.295.835
Tiền gửi ngân hàng	60.174.475.897	18.129.164.403
Các khoản tương đương tiền (i)	32.667.751.689	79.444.038.334
Cộng	93.420.068.125	97.975.498.572

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng BIDV và ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở; Thời hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất 3.6%- 5.8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	295.551.859.996	103.830.087.761
- Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes	1.294.319.058	23.538.893.905
- Công ty Cổ phần bể bơi thông minh Spool	2.334.574.770	6.534.574.770
- Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải	1.569.206.695	14.063.860.576
- CTCP CNCTECH Global	194.554.522.225	-
- CTCP giải pháp công nghệ CNC	19.029.989.000	-
- CTCP Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	9.600.000.000
- Công ty TNHH Delta-Valley Bình Thuận	8.118.447.923	8.118.447.923
- Công ty CP thương mại và du lịch Kim Bôi	5.465.038.554	3.651.794.045
- CTCP Thành phố du lịch sinh thái Sơn Tiên	3.045.824.261	-
- CTCP Đầu tư và phát triển Sapa Lào Cai	9.769.472.130	-
- Chi Nhánh Nghệ An – CTCP Vinpearl	640.455.430	-
- Công ty cổ phần Vinhomes	8.648.858.559	-
- Các khách hàng khác	31.481.151.391	38.322.516.542
Cộng	295.551.859.996	103.830.087.761

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
<i>Trả trước người bán là bên thứ ba</i>	25.388.853.580	3.394.480.797
- Công ty CP TM thiết bị điện Nguyễn Gia	4.578.899.773	-
- Công ty cổ phần bể bơi thông minh Spool	11.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư SX & TM Hoàng Minh	2.920.095.085	-
- Công ty TNHH Kiến trúc & xây dựng quốc tế Baleine	486.275.200	486.275.200
- Công ty CP CID Việt Nam	346.000.000	346.000.000
- Công ty TNHH đầu tư và PT HIKARU	301.451.700	304.586.700
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại Hòa Đạt	900.375.813	-
- Công ty CP công trình Viettel	-	537.553.462
- Các nhà cung cấp khác	4.855.756.009	1.720.065.435
Cộng	25.388.853.580	3.394.480.797

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Ông Nguyễn Việt Thắng (i)	8.106.630.137	8.106.630.137
- Công ty cổ phần bể bơi thông minh Spool (ii)	5.000.000.000	-
- Công ty CP Gia Phú Capital Việt Nam (iii)	10.000.000.000	-
- Bà Vũ Thị Nga (iv)	12.000.000.000	-
Cộng	35.106.630.137	8.106.630.137

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

(i) Khoản tiền cho Ông Nguyễn Việt Thắng vay ngày 15 tháng 02 năm 2023. Ngày 02/10/2023 công ty ký hợp đồng mua lại 10% phần vốn góp tại công ty TNHH Sông Thao của ông Nguyễn Việt Thắng với giá trị chuyển nhượng 11.106.630.137đ. Khoản cho vay sẽ được bù trừ với số tiền chuyển nhượng phải trả ông Nguyễn Việt Thắng khi thủ tục chuyển nhượng hoàn tất. Tuy nhiên do chưa hoàn thiện xong đầy đủ thủ tục chuyển nhượng nên ông Nguyễn Việt Thắng tạm trả lại một phần khoản vay (3 tỷ đồng) và sẽ tiếp tục trả lại đủ khoản vay trên nếu không hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng. Khoản cho vay có tài sản đảm bảo.

(ii) và (iii), (iv) Các hợp đồng cho vay thời hạn 12 tháng, lãi suất 7-7.5%/ năm

5.5 a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	608.000.000	-	8.151.650	-
- Ký cược ký quỹ ngân hàng	24.844.877.435	-	4.624.185.223	-
- Công ty cổ phần mặt trời Hà Nam (i)	11.751.689.774	-	-	-
- Công ty cổ phần Novareal (ii)	20.338.999.164	-	20.338.999.164	-
- Lãi dự thu tiền gửi	19.957.644	-	311.692.593	-
- Tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD cho UBND huyện Khoái Châu (iii)	1.380.000.900	-	1.380.000.900	-
- Trung tâm phát triển Quỹ đất Tỉnh Phú Thọ (iv)	24.115.459.000	-	-	-
- Phải thu khác	298.828.361	-	175.000	-
Cộng	83.357.812.278	-	26.663.204.530	-

(i) Giá trị đã thanh toán (hình thức cầm trừ công nợ) cho công ty cổ phần mặt trời Hà Nam để mua 2 căn hộ C19109+C19111 theo hợp đồng mua bán số C19109/SUC/HĐMBNO và hợp đồng mua bán số C19111/SUC/HĐMBNO

(ii) Đặt cọc theo văn bản thỏa thuận số VTV.2-SH02/2023/VBTT/NVR-HVC ngày 28/03/2023, công ty đặt cọc để ký kết hợp đồng khi bên công ty cổ phần Novareal là “Chủ đầu tư dự án Khu nhà ở diện tích 4.2777 ha, tại Phường Thanh Mỹ Lợi thành phố Thủ Đức” đủ điều kiện bán Bất động sản.

(iii) Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC tại xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Theo công văn số 897/STC-GCN&DN ngày 02/08/2022 của Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên, số tiền ký quỹ này sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp sau khi công ty TNHH HVC Hưng Yên đáp ứng được các điều kiện hoàn trả theo quy định tại điều 26 NĐ số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ.

(iv) Tạm ứng cho Trung tâm phát triển Quỹ đất Tỉnh Phú Thọ để làm thủ tục giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng bất động sản xóm Nước Hang, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

b. Phải thu dài hạn khác:

Là tiền đặt cọc văn phòng dài hạn:

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền đặt cọc văn phòng dài hạn.	33.000.000	-	33.000.000	-
Cộng	33.000.000	-	33.000.000	-

5.6 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2025 (VND)		Thời gian quá hạn	01/01/2025 (VND)	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	Trên 3 năm	282.800.000	(282.800.000)	Trên 3 năm	282.800.000	(282.800.000)
- Công ty Cổ phần Milton	Trên 3 năm	435.848.744	(435.848.744)	Trên 3 năm	435.848.744	(435.848.744)
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	Trên 3 năm	9.600.000.000	(9.600.000.000)	Trên 3 năm	9.600.000.000	(9.600.000.000)
- Công ty cổ phần đầu tư Rivera	Trên 3 năm	629.241.493	(629.241.493)	Từ 2-3 năm	629.241.493	(629.241.493)
- Công ty TNHH Delta valley Bình Thuận	Từ 2-3 năm	8.118.447.924	(5.682.913.547)	Từ 1-2 năm	8.118.447.924	(4.059.223.962)
- Công ty cổ phần đầu tư IDJ Việt Nam	Từ 1-2 năm	1.941.044.667	(997.801.848)	Từ 1-2 năm	-	-
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	1.416.332.536	(1.416.332.536)	Trên 3 năm	1.725.648.546	(1.423.179.785)
Tổng cộng		22.423.715.364	(19.044.938.168)		20.791.986.707	(16.430.293.984)

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Số đầu năm	16.430.293.984	14.026.389.059
Trích lập dự phòng trong kỳ	2.614.644.184	2.403.904.925
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối năm	19.044.938.168	16.430.293.984

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.226.813.004	-	2.345.922.652	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	89.365.194.592	-	63.570.766.266	-
- Hàng hóa	18.139.751.183	-	25.371.170.602	-
Cộng	111.731.758.779	-	91.287.859.520	-

5.8 a . Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2025 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2025 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	23.706.266	183.183.428	29.998.299	176.891.395
Cộng	23.706.266	183.183.428	29.998.299	176.891.395

b . Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2025 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2025 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	955.067.713	593.679.008	591.500.147	957.246.574
Cộng	955.067.713	593.679.008	591.500.147	957.246.574

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2025	55.148.627.525	12.529.028.303	4.863.680.673	1.028.136.936	73.569.473.437
Mua trong năm	97.200.000	134.259.260	640.848.000	99.062.500	971.369.760
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/12/2025	55.245.827.525	12.663.287.563	5.504.528.673	1.127.199.436	74.540.843.197
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.333.400.046	312.675.200	1.234.932.727	127.000.000	3.008.007.973
Giá trị hao mòn					
01/01/2025	15.191.680.551	5.450.754.815	2.921.602.365	645.660.410	24.209.698.141
Khấu hao trong kỳ	2.080.366.419	990.746.466	460.811.224	108.572.184	3.640.496.293
31/12/2025	17.272.046.970	6.441.501.281	3.382.413.589	754.232.594	27.850.194.434
Giá trị còn lại					
01/01/2025	39.956.946.974	7.078.273.488	1.942.078.308	382.476.526	49.359.775.296
31/12/2025	37.973.780.555	6.221.786.282	2.122.115.084	372.966.842	46.690.648.766

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý dự án.

	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2025	32.000.000	22.399.986	9.600.014
Tăng trong năm	-	6.399.996	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2025	32.000.000	28.799.982	3.200.018

5.11 Bất động sản đầu tư

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Mua bất động sản đầu tư (i)	2.814.624.000	2.814.624.000
Cộng	2.814.624.000	2.814.624.000

(i) Giá trị quyền sử dụng đất tại phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Giá trị bất động sản đầu tư tại xóm Nước Hang, phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ	151.482.082.656	178.015.835.737
Cộng	151.482.082.656	178.015.835.737

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	01/01/2025 (VND)	Đầu tư mới trong năm (VND)	Phân chia lãi / (lỗ) từ các công ty liên kết trong năm (VND)	31/12/2025 (VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành	119.743.182.005	-	(23.134.577)	119.720.047.428
Cộng	119.743.182.005	-	(23.134.577)	119.720.047.428

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	44,20%	45,00%	119.720.047.428	44,00%	45,00%	119.743.182.005
Cộng			119.720.047.428			119.743.182.005

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 99,00% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty cổ phần tổng thầu xây dựng HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tại ngày 31/12/2025 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,20%.

5.14 Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	271.211.188	62.136.986
Cộng	271.211.188	62.136.986

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH đầu tư TM Gia Vinh	9.583.400.572	9.583.400.572	3.468.318.857	3.468.318.857
- YIXING SEA FOUNTAIN EQUIPMENT CO.,LTD	2.442.575.800	2.442.575.800	8.217.265.222	8.217.265.222
- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại ATL	184.048.086	184.048.086	5.756.322.122	5.756.322.122
- Công ty cổ phần Ademax	-	-	5.151.845.600	5.151.845.600
- CT TNHH Vật liệu điện Duy Tân	195.175.364	195.175.364	207.769.704	207.769.704
- Công ty TNHH SX-TM-ĐT- XD Hải Hà, chi nhánh Hà nội	1.166.595.643	1.166.595.643	-	-
- Công ty TNHH Cấp Taihan Vina	5.181.560.472	5.181.560.472	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư Sông Thao	68.019.151.078	68.019.151.078	-	-
- Các nhà cung cấp khác	24.060.363.160	24.060.363.160	20.483.095.084	20.483.095.084
Cộng	110.832.870.175	110.832.870.175	43.210.326.338	43.210.326.338

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Các khách hàng là bên thứ ba	109.992.135.686	43.137.643.120
- Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	17.899.793.233	9.869.383.667
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Vạn Phúc	7.266.166.287	7.266.166.287
- Công ty TNHH KT xây dựng Đồng Phong (VN)	10.664.827.603	17.486.560.585
- Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia	8.165.412.739	4.758.229.699
- Công ty TNHH xây dựng Công nghiệp - OLYMPIA	8.475.461.236	-
- Công ty TNHH xây dựng và quản lý dự án HỒ TÂY	16.352.978.542	-
- Công ty CP PT và đầu tư XD Vincons	10.216.423.026	-
- Đại học Phenika	15.806.823.621	-
- Các khách hàng khác	15.144.249.399	3.757.302.882
Cộng	109.992.135.686	43.137.643.120

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2025	
	Phải nộp	Phải thu	Số đã thực nộp	Số phải nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế giá trị gia tăng	484.858.590	41.805.569	2.828.444.261	3.226.980.826	892.305.078	8.909.923
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	650.499.163	650.499.163	-	-
- Thuế nhập khẩu	-	-	99.974.831	99.974.831	-	-
- Thuế TNDN	8.040.741.454	-	8.340.496.474	10.881.464.558	10.581.709.538	-
- Thuế TNCN	136.061.169	-	1.242.314.284	1.177.939.894	71.686.779	-
- Thuế phí khác	-	-	-	6.243.600	6.243.600	-
Tổng cộng	8.661.661.213	41.805.569	13.161.729.013	16.043.102.872	11.551.944.995	8.909.923

5.18 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	12.193.449.000
- Phải trả ngắn hạn khác	290.333.234	-
Cộng	290.333.234	12.193.449.000

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn – Ngân hàng techcombank (i)				
+ Hợp đồng tín dụng (i.1)	122.104.991.468	122.104.991.468	-	-
+ Hợp đồng hạn mức/hạn mức chiết khấu (i.2)	13.130.675.349	13.130.675.349	27.995.306.870	27.995.306.870
Vay ngắn hạn – ngân hàng Quốc dân (ii)				
+ Hợp đồng hạn mức/hạn mức chiết khấu (ii.1)	5.210.720.990	5.210.720.990	-	-
Cộng	140.446.387.807	140.446.387.807	27.995.306.870	27.995.306.870

(i.1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014, phụ lục số HS020140019/HĐHMTD/PLHM-2804177 ngày 25 tháng 02 năm 2025 với hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức vay là 12 tháng (thời hạn từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/02/2026), phụ lục số HS020140019 /HĐHMTD /PLHM-3100606 ngày 06/05/2025 với hạn mức tín dụng là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

370.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ.

(i.2) Hợp đồng cấp mức/ hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HSO20252804177/HDCK của công ty mẹ ký ngày 25/02/2025 với giá trị hạn mức chiết khấu là: 50.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (Từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/02/2026). Và hợp đồng cấp mức/ hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số: HSO20252804246/HDCK của công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park ký ngày 25/2/2025 với giá trị hạn mức chiết khấu là: 25.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (Từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/02/2026)

(ii.1) Khoản vay Ngân hàng Quốc Dân theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số: 7724/25/HDHM/HKM ký ngày 10/10/2025 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là: 100.000.000.000 đ (Một trăm tỷ đồng)

5.20 Dự phòng phải trả

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.089.454.521	2.478.337.262
Cộng	1.089.454.521	2.478.337.262

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý IV năm 2025

5.21 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
01/01/2024	406.448.300.000	(4.390.693.200)	-	78.943.725.571	6.994.208.268	487.995.540.639
Lãi trong năm trước	-	-	-	30.206.427.734	355.991.832	30.562.419.566
Góp vốn tại công ty con	-	-	-	-	44.112.017.105	44.112.017.105
Tạm ứng trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(12.193.449.000)	-	(12.193.449.000)
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	885.504.349	885.504.349
31/12/2024	406.448.300.000	(4.390.693.200)	-	96.956.704.305	52.347.721.554	551.362.032.659
01/01/2025	406.448.300.000	(4.390.693.200)	-	96.956.704.305	52.347.721.554	551.362.032.659
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	732.875.031	(2.732.875.031)	(2.000.000.000)
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	28.445.040.000	-	-	(28.445.040.000)	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(100.000.000)	-	-	-	(100.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	41.897.157.773	198.146.977	42.095.304.750
31/12/2025	434.893.340.000	(4.490.693.200)	-	111.141.697.109	49.812.993.500	591.357.337.409

Thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/HVC/NQ-HĐQT/2024 ngày 11/12/2024, công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2024 cho các cổ đông với tỷ lệ 3% (tương đương: 12.193.449.000 VNĐ) . Đầu tháng 1 năm 2025, công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức.

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 22/4/2025, công ty đã phát hành 2.844.504 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024. Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã chấp thuận niêm yết bổ sung số cổ phiếu nêu trên kể từ ngày 12/6/2025

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2025	01/01/2025
	(VND)	(VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	406.448.300.000	406.448.300.000
Vốn góp tăng trong năm	28.445.040.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	434.893.340.000	406.448.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Bằng tiền mặt	12.193.449.000	-
Bằng cổ phiếu	28.445.040.000	-

Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.489.334	40.644.830
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	43.489.334	40.644.830
- Cổ phiếu phổ thông	43.489.334	40.644.830
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.489.334	40.644.830
- Cổ phiếu phổ thông	43.489.334	40.644.830

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV năm 2025 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 (VND)	Quý IV năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 (VND)
Tổng doanh thu	361.203.664.528	700.777.051.426	103.068.453.331	393.590.487.971
- Doanh thu bán hàng hóa	453.172.911	41.116.682.494	-	49.371.579.261
- Doanh thu bán thành phẩm	5.737.940.052	20.028.668.476	6.015.854.869	11.323.035.161
- Doanh thu nhà xưởng công nghiệp	307.848.775.192	491.340.279.446	-	-
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	47.163.776.373	148.291.421.010	97.052.598.462	329.903.663.836
- Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	-	-	2.878.136.924
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	114.072.789
Doanh thu thuần	361.203.664.528	700.777.051.426	103.068.453.331	393.590.487.971

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý IV năm 2025 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 (VND)	Quý IV năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 (VND)
- Giá vốn bán hàng hóa	362.538.328	38.663.982.848	-	43.459.968.217
- Giá vốn bán thành phẩm	5.219.144.271	15.776.986.642	5.155.055.016	8.988.273.232
- Giá vốn nhà xưởng công nghiệp	279.588.669.711	439.587.354.432	-	-
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	42.273.418.576	121.800.904.637	79.754.955.202	274.118.494.997
- Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	-	-	2.962.220.304
Tổng giá vốn	327.443.770.886	615.829.228.559	84.910.005.306	329.528.956.750

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2025 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 (VND)	Quý IV năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 (VND)
- Lãi tiền gửi	1.071.594.371	2.959.937.278	355.158.921	1.856.349.803
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-	-	32.216.515
Cộng	1.071.594.371	2.959.937.278	355.158.921	1.888.566.318

6.4. Chi phí tài chính

	Quý IV năm 2025 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 (VND)	Quý IV năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 (VND)
- Chi phí lãi vay	1.495.712.389	3.750.129.943	390.996.423	639.077.433
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.430.759	220.845.030	1.971.518	117.226.560
Cộng	1.511.143.148	3.970.974.973	392.967.941	756.303.993

6.5. Chi phí bán hàng

	Quý IV năm 2025 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 (VND)	Quý IV năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 (VND)
- Trích dự phòng/ hoàn nhập bảo hành công trình	(1.049.565.795)	(1.388.882.741)	(429.251.158)	(3.080.508.605)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.503.014	827.059.981	29.246.658	905.909.541
- Chi phí bằng tiền khác	-	-	-	86.700.800
Cộng	(923.062.781)	(561.822.760)	(400.004.500)	(2.087.898.264)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV năm 2025 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 (VND)	Quý IV năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	6.276.215.281	21.364.274.274	5.846.230.166	19.466.837.318
- Chi phí đồ dùng quản lý	77.395.947	496.958.055	772.353.899	524.005.498
- Chi phí khấu hao TSCĐ	818.643.872	3.119.775.692	914.381.918	2.777.154.852
- Chi phí hoàn nhập/trích lập dự phòng	6.123.345.812	1.854.121.850	1.518.393.051	2.403.904.925
- Thuế phí lệ phí	276.550.552	542.301.828	133.148.778	27.243.600
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	399.862.613	70.546.657	2.569.113.076
- Chi phí bằng tiền khác	558.243.736	4.103.748.731	-	1.281.038.805
Cộng	14.130.395.200	31.881.043.043	9.255.054.469	29.049.298.074

6.7. Thu nhập khác

	Quý IV năm 2025 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 (VND)	Quý IV năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 (VND)
- Phạt vi phạm hợp đồng các NCC	-	23.231.330	-	131.915.877
- Thu nhập khác	36.606.637	530.622.023	405.776.487	672.527.722
Cộng	36.606.637	553.853.353	405.776.487	804.443.599

6.8. Chi phí khác

	Quý IV năm 2025 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 (VND)	Quý IV năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 (VND)
- Phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	-	144.192.458	-	-
- Chi phí khác	221.669.077	252.048.005	204.236.421	637.322.136
Cộng	221.669.077	396.240.463	204.236.421	637.322.136

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.865.812.654	7.861.464.758
Cộng	10.865.812.654	7.861.464.758

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	9.150.676.615	5.598.263.665
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên)	857.145.347	774.797.974
Phát sinh tại công ty con (Công ty cổ phần Tổng thầu xây dựng HVC)	225.613.862	186.606.224
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park)	549.910.569	1.293.570.187
Phát sinh tại công ty con (Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill)	52.955.924	3.248.703
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ gươm Hòa Bình)	29.510.337	4.978.005
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.865.812.654	7.861.464.758

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	41.897.157.773	30.206.427.734
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.897.157.773	30.206.427.734
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	43.489.334	40.644.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	963	743

Nhóm công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý IV năm 2025

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định củng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường



HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
QUARTER IV OF 2025



HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

Quarter IV of 2025

Currency: VND

ASSETS	Code	Note	31/12/2025	01/01/2025
CURRENT ASSETS	100		650,044,109,888	342,962,432,560
Cash and cash equivalents	110	5.1	93,420,068,125	97,975,498,572
Cash	111		60,752,316,436	18,531,460,238
Cash equivalents	112		32,667,751,689	79,444,038,334
Short-term financial investments	120		23,871,880,799	25,579,720,524
Trading securities	121		-	-
Provision for impairment of trading securities (*)	122		-	-
Held-to-maturity investments	123		23,871,880,799	25,579,720,524
Short-term receivables	130		420,360,217,823	125,564,109,241
Short-term trade receivables	131	5.2	295,551,859,996	103,830,087,761
Short-term prepayment to suppliers	132	5.3	25,388,853,580	3,394,480,797
Short-term intra-company receivables	133		-	-
Receivables under the construction progress	134		-	-
Short-term loan receivables	135	5.4	35,106,630,137	8,106,630,137
Other short-term receivables	136	5.5a	83,357,812,278	26,663,204,530
Provision for short-term doubtful debts (*)	137	5.6	(19,044,938,168)	(16,430,293,984)
Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
Inventories	140		111,731,758,779	91,287,859,520
Inventories	141	5.7	111,731,758,779	91,287,859,520
Provision for devaluation of inventories (*)	149		-	-
Other current assets	150		660,184,362	2,555,244,703
Short-term prepaid expenses	151	5.8a	176,891,395	23,706,266
Value added tax (VAT) deductible	152		474,383,044	2,489,732,868
Taxes and other receivables from the State	153		8,909,923	41,805,569
Government bonds purchased for resale	154		-	-
Other current assets	155		-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT.)

Quarter IV of 2025

Currency: VND

NON-CURRENT ASSETS	200		321,972,060,630	350,993,221,751
Long-term receivables	210		33,000,000	33,000,000
Long-term trade receivables	211		-	-
Long-term prepayment to suppliers	212		-	-
Working capital in sub-units	213		-	-
Long-term intra-company receivables	214		-	-
Long-term loan receivables	215		-	-
Other long-term receivables	216	5.5b	33,000,000	33,000,000
Provision for long-term doubtful debts (*)	219		-	-
Fixed assets	220		46,693,848,784	49,369,375,310
Tangible fixed assets	221	5.9	46,690,648,766	49,359,775,296
- Historical cost	222		74,540,843,197	73,569,473,437
- Accumulated depreciation (*)	223		(27,850,194,431)	(24,209,698,141)
Finance lease fixed assets	224		-	-
- Historical cost	225		-	-
- Accumulated depreciation (*)	226		-	-
Intangible fixed assets	227	5.10	3,200,018	9,600,014
- Historical cost	228		32,000,000	32,000,000
- Accumulated depreciation (*)	229		(28,799,982)	(22,399,986)
Investment properties	230	5.11	2,814,624,000	2,814,624,000
- Historical cost	231		2,814,624,000	2,814,624,000
- Accumulated depreciation (*)	232		-	-
Long-term assets in progress	240		151,482,082,656	178,015,835,737
Long-term work in progress	241		-	-
Construction in progress	242	5.12	151,482,082,656	178,015,835,737
Long-term financial investments	250		119,720,047,428	119,743,182,005
Investments in subsidiaries	251		-	-
Investments in associates and joint ventures	252	5.13	119,720,047,428	119,743,182,005
Capital contribution investment in other entities	253		-	-
Provision for long-term financial investments (*)	254		-	-
Held-to-maturity investments	255		-	-
Other non-current assets	260		1,228,457,762	1,017,204,699
Long-term prepaid expenses	261	5.8b	957,246,574	955,067,713
Deferred income tax assets	262	5.14	271,211,188	62,136,986
Long-term equipment, supplies and spare parts	263		-	-
Other non-current assets	268		-	-
Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		972,016,170,518	693,955,654,311

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT.)

Quarter IV of 2025

Currency: VND

RESOURCES	Code	Notes	31/12/2025	01/01/2025
LIABILITIES	300		380,658,833,109	142,593,621,652
Current liabilities	310		380,658,833,109	142,593,621,652
Short-term trade payables	311	5.15	110,832,870,175	43,210,326,338
Short-term advances from customers	312	5.16	109,992,135,686	43,137,643,120
Taxes and payables to the State	313	5.17	11,551,944,995	8,661,661,213
Payables to employees	314		5,895,184,103	4,916,897,849
Short-term accrued expenses	315		560,522,588	-
Short-term intra-company payables	316		-	-
Payables under the construction progress	317		-	-
Short-term unearned revenue	318		-	-
Other short-term payables	319	5.18	290,333,234	12,193,449,000
Short-term financial lease borrowings and liabilities	320	5.19	140,446,387,807	27,995,306,870
Provisions for short-term payables	321	5.20	1,089,454,521	2,478,337,262
Bonus and welfare funds	322		-	-
Price stabilization fund	323		-	-
Government bonds purchased for resale	324		-	-
Non-current liabilities	330		-	-
Long-term trade payables	331		-	-
Long-term advances from customers	332		-	-
Long-term accrued expenses	333		-	-
Intra-company payables for working capital	334		-	-
Long-term intra-company payables	335		-	-
Long-term unearned revenue	336		-	-
Other long-term payables	337		-	-
Long-term financial lease borrowings and liabilities	338		-	-
Convertible bonds	339		-	-
Preferred shares	340		-	-
Deferred income tax liability	341		-	-
Provisions for long-term payables	342		-	-
Science and technology development fund	343		-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT.)

Quarter IV of 2025

Currency: VND

RESOURCES	Code	Notes	31/12/2025	01/01/2025
OWNER'S EQUITY	400		591,357,337,409	551,362,032,659
Owner's equity	410	5.21	591,357,337,409	551,362,032,659
Contributed capital	411		434,893,340,000	406,448,300,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		434,893,340,000	406,448,300,000
- Preference shares	411b		-	-
Capital surplus	412		(4,490,693,200)	(4,390,693,200)
Conversion options on convertible bonds	413		-	-
Other equity	414		-	-
Treasury stock (*)	415		-	-
Differences on asset revaluation	416		-	-
Foreign exchange differences	417		-	-
Investment and development fund	418		-	-
Business arrangement support fund	419		-	-
Other equity funds	420		-	-
Undistributed profit after tax	421		111,141,697,109	96,956,704,305
- Undistributed profit after tax, accumulated up to the end of the previous period.	421a		69,244,539,337	78,943,725,571
- Undistributed profit after tax for the current period	421b		41,897,157,772	18,012,978,734
Capital expenditure fund	422		-	-
Non-controlling interests	429		49,812,993,500	52,347,721,554
Funds	430		-	-
Funds	431		-	-
Funds used for fixed asset acquisitions	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		972,016,170,518	693,955,654,311

January 27, 2026

PREPARED BY

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

Quarter IV of 2025

				Currency: VND	
	Code	Note	Quarter IV of 2025	Accumulated from the beginning to 31/12/2025	Accumulated from the beginning to 31/12/2024
Revenue from sale of goods and rendering of services	01	6.1	361,203,664,528	700,777,051,426	393,590,487,971
Revenue deductions	02		-	-	-
Net revenue from sale of goods and rendering of services	10	6.1	361,203,664,528	700,777,051,426	393,590,487,971
Cost of goods sold	11	6.2	327,443,770,886	615,829,228,559	329,528,956,750
Gross profit from sale of goods and rendering of services	20		33,759,893,642	84,947,822,867	64,061,531,221
Financial revenue	21	6.3	1,071,594,371	2,959,937,278	1,888,566,318
Financial expenses	22	6.4	1,511,143,148	3,970,974,973	756,303,993
Of which: Interest expenses	23		1,495,712,389	3,750,129,943	639,077,433
Gains and losses in joint ventures and associates	24		(37,850)	(23,134,580)	(37,767,861)
Selling expenses	25	6.5	(923,062,781)	(561,822,760)	(2,087,898,264)
General & administrative expenses	26	6.6	14,130,395,200	31,881,043,043	29,049,298,074
Net operating profit	30		20,112,974,596	52,594,430,309	38,194,625,875
Other income	31	6.7	36,606,637	553,853,353	804,443,599
Other expenses	32	6.8	221,669,077	396,240,463	637,322,136
Other profit	40		(185,062,440)	157,612,890	167,121,463
Total accounting profit before tax	50		19,927,912,156	52,752,043,199	38,361,747,338
Current corporate income tax	51	6.9	4,097,795,383	10,865,812,654	7,861,464,758
Deferred corporate income tax	52		(55,435,617)	(209,074,202)	(62,136,986)
Profit after corporate income tax	60		15,885,552,389	42,095,304,747	30,562,419,566
Profit after tax of the parent company's shareholders	61		15,935,693,204	41,897,157,773	30,206,427,734
Profit after tax of the non-controlling shareholders	62		(50,140,815)	198,146,974	355,991,832
Basic earnings per share	70	6.10	366	963	743
Diluted earnings per share	71		366	963	743

PREPARED BY

CHIEF ACCOUNTANT

January 27, 2026

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

These consolidated financial statements should be read in conjunction with accompanying notes.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

CASH FLOW STATEMENT (Indirect method)

Quarter IV of 2025

Currency: VND

ITEMS	Code	Accumulated from the beginning to the end of this period	
		This year	Previous year
CASH FLOW FROM OPERATING ACTIVITIES			
Profit before tax	01	52,752,043,199	38,361,747,338
Adjustments for		-	-
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02	3,646,896,286	3,877,312,370
- Provisions	03	1,225,761,443	(676,603,680)
- Foreign exchange gains/losses arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	(220,845,030)	88,783,373
- Gains/losses from investing activities	05	(2,959,937,278)	(1,710,351,201)
- Interest expense	06	3,750,129,943	639,077,433
- Other adjustments	07	-	-
Operating profit before changes in working capital	08	58,194,048,563	40,579,965,633
- Increase/decrease in receivables	09	(251,448,569,357)	77,023,895,919
- Increase/decrease in inventories	10	(19,883,376,671)	(3,825,985,680)
- Increase/decrease in payables (excluding interest payable and corporate income tax payable)	11	136,090,238,822	(48,170,359,813)
- Increase/decrease in prepaid expenses	12	(155,363,990)	449,253,405
- Increase/decrease in trading securities	13	-	-
- Interest paid	14	(3,459,796,709)	(639,077,433)
- Corporate income tax paid	15	(8,340,496,474)	(2,497,254,640)
- Other cash inflows from operating activities	16	-	-
- Other cash outflows for operating activities	17	-	-
Net cash flow from operating activities	20	(89,003,315,816)	62,920,437,391
CASH FLOW FROM INVESTING ACTIVITIES			
Cash outflow for procurement and construction of fixed assets and other non-current assets	21	6,961,188,857	(59,759,961,658)
Cash inflow from liquidation and disposal of fixed assets and non-current assets	22	-	6,000,000,000
Cash outflow for lending and purchasing debt instruments of other entities	23	(81,114,171,274)	(25,579,720,524)
Cash inflow from lending and reselling debt instruments of other entities	24	55,809,881,412	3,000,000,000
Cash outflow for investment and capital contribution to other entities	25	-	-
Cash inflow from investment and capital contribution to other entities	26	-	-
Cash inflow from interests on loans, dividends and profits shared	27	2,633,354,437	1,470,260,081
Net cash flow from investing activities	30	(15,709,746,568)	(74,869,422,101)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

CASH FLOW STATEMENT (Indirect method)

Quarter IV of 2025

Currency: VND

ITEMS	Code	Accumulated from the beginning to the end of this period	
		This year	Previous year
CASH FLOW FROM FINANCIAL ACTIVITIES	-		
Cash inflow from issuing shares and receiving contributed capital from owners	31	(100,000,000)	44,112,017,105
Cash outflow for returning contributed capital to the owners and buying back shares issued	32	-	-
Cash inflow from borrowings	33	310,282,509,845	169,853,660,440
Repayment of loan principal	34	(197,831,428,908)	(176,721,446,292)
Repayment of financial lease liabilities	35	-	-
Dividends, profits paid to owners	36	(12,193,449,000)	-
Net cash flow from financial activities	40	100,157,631,937	37,244,231,253
NET CASH FLOW DURING THE YEAR	50	(4,555,430,447)	25,295,246,543
Opening cash and cash equivalents	60	97,975,498,572	72,680,252,029
Effect of changes in foreign exchange rate on foreign currency translation	61	-	-
Closing cash and cash equivalents	70	93,420,068,125	97,975,498,572

January 27, 2026

PREPARED BY

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

1 CHARACTERISTICS OF BUSINESS

Form of capital ownership

HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as "Company") is an enterprise incorporated in Vietnam according to the Business Registration Certificate No. 0104606490, 1st registered on April 23, 2010 and 24th registered (latest) on June 05, 2025 and issued by Hanoi City Authority for Planning and Investment.

The Company's charter capital as of December 31, 2025 is VND 434,893,340,000.

The Company's stock code is HVH.

Main business lines and operations

The company's main operations consist of supplying and installing high-end amusement and entertainment equipment such as ice-skating rinks, aquariums, water parks, swimming pools, installing M&E systems and constructing infrastructures of the industrial plants that have affected the financial position and business performance of the company group.

Normal production and business cycle

The company's normal production and business cycle is carried out within a period of no more than 12 months.

Corporate structure

The Company's Head Office is located on 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City.

The Company's underlying entities as of December 31, 2025 include:

Company name	Address
HVC Investment and Technology Joint Stock Company – Ho Chi Minh Branch	2 nd Floor, Sophie Building, No. 277B Do Xuan Hop, Phuoc Long Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Total number of the subsidiaries: 05 (five) companies

Where:

Number of consolidated subsidiaries: 05 (five) companies

Number of non-consolidated subsidiaries: 0 (zero) companies

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

List of consolidated subsidiaries

<i>Company name</i>	<i>Address of Head Office</i>	<i>Business lines</i>	<i>Interest ratio</i>	<i>Voting ratio</i>
HVC Hung Yen Company Limited	Tho Binh Hamlet, Trieu Viet Vuong Commune, Hung Yen Province	Manufacture of metal products	99.00%	99.00%
HVC Construction Total Contractor Joint Stock Company	8 Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City	Installation of water supply, drainage, heating and air-conditioning system	96.67%	96.67%
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	8 Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City	Installation of water supply, drainage, heating and air-conditioning system	95.00%	95.00%
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho	Trading in real estates, tourism and resorts	99.00%	99.00%
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited	Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho	Trading in real estates, tourism and resorts	76.32%	76.32%

List of affiliated companies consolidated on the income statement

<i>Company name</i>	<i>Address of Head Office</i>	<i>Business lines</i>	<i>Interest ratio</i>	<i>Voting ratio</i>
Chi Thanh Joint Stock Company (*)	Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho	Construction of residential houses	44.20%	45.00%

(*) Chi Thanh Joint Stock Company is an affiliated company of the Parent Company with direct voting ratio of 20% and indirect voting ratio through HVC Hung Yen Company Limited (a subsidiary of the parent company holding 99.00% of the voting right) of 10.00%, HVC Construction Total Contractor Joint Stock Company (a subsidiary of the parent company holding 96.67% of the voting right) of 3.00% and HVC Park Entertainment Equipment Company Limited (a subsidiary of the parent company holding 95.00% of the voting right) of 12.00%. Thereby, as at December 30, 2025, the voting ratio of the parent company at Chi Thanh Joint Stock Company is 45.00% and the interest ratio is 44.20% (as at December 31, 2024, the voting ratio of the parent company at Chi Thanh Joint Stock Company is 45.00% and the interest ratio is 44.00%).

2 BASIS FOR PREPARATION OF CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**Accounting standards and accounting regime**

The parent company and its subsidiaries have applied the enterprise accounting regime issued in accordance with Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016 of the Ministry of Finance amending and supplementing a number of articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 guiding enterprise accounting regime. The consolidated financial statements are prepared and presented in conformity with the enterprise accounting regime issued according to Circular No. 200/2014/TT-BTC, Circular No. 202/2014/TT-BTC and Vietnam accounting standards.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

3 FINANCIAL YEAR AND CURRENCY USED IN ACCOUNTING

The Company's fiscal year begins on January 1 and ends on December 31 of the calendar year.

The currency used in accounting is the Vietnamese Dong (VND).

4 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The accounting policies applied in the presentation of these consolidated financial statements are consistent with those applied in presentation of the company group's consolidated financial statements for the financial year ended December 31, 2025.

4.1. Basis for preparation

The consolidated financial statements are prepared using the accrual basis of accounting (except for cash flow information).

4.2. Basis for consolidation

The consolidated financial statements comprise of separate financial statements of HVC Investment and Technology Joint Stock Company ("Parent company") and five subsidiaries: HVC Hung Yen Company Limited ("Subsidiary"); HVC Construction Total Contractor Joint Stock Company ("Subsidiary"); HVC Park Entertainment Equipment Company Limited ("Subsidiary"); Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company ("Subsidiary"); and HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited ("Subsidiary") (hereinafter referred to as "Company group"). The subsidiaries are the units under the control of the parent company. Such control exists when the parent company has the power to govern either directly or indirectly the financial and operating policies of the subsidiaries to obtain benefits from its activities. Potential voting rights that are currently exercisable or convertible should be taken into account when determining control.

Business results of the subsidiaries acquired or disposed of during the period are included in the consolidated income statement from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal of investments in such subsidiaries.

In case the accounting policies of the subsidiaries are different from the accounting policies consistently applied in the company group, adjustments are made to the financial statements of the subsidiaries before being used for preparation of the consolidated financial statements.

Balances of the accounts on the consolidated balance sheet between the subsidiaries and the company group, intra-company transactions and unrealized intra-company profits resulting from these transactions are eliminated on preparation of the consolidated financial statements. Unrealized losses resulting from the intra-company transactions are also eliminated unless expenses resulting in such losses are unrecoverable.

Non-controlling interests represent the portion of net results of operations and net assets not owned by the shareholders of the parent company and presented separately in the consolidated income statement and the consolidated balance sheet. The non-controlling interests consist of amount of those non-controlling interests at the date of original business combination and the non-controlling interests' share of change in equity since the date of business combination. Losses applicable to the non-controlling interests exceeding the

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

non-controlling interest in the subsidiary's equity are adjusted against the company group's share, except where the minority has a binding obligation to make good such losses.

4.3. Accounting estimates

Preparation and presentation of the company group's consolidated financial statements for Quarter IV of 2025 in compliance with Vietnam accounting standards and Vietnam enterprise accounting regime require the Board of Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets, as well as the disclosure of contingent assets and liabilities as at the end of the financial year, and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Actual business performance may differ from such estimates and assumptions.

4.4. Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand and (demand) deposits at banks.

Cash equivalents are short-term investments with a maturity or recoverability period not exceeding 3 months that are readily convertible into known amounts of cash and are subject to insignificant risk of changes in value from the date of acquisition to the reporting date.

4.5. Foreign currency transactions

Transactions denominated in currencies other than the company group's accounting currency VND are recorded at the actual exchange rates prevailing at the date of transaction in the following principle:

- Transactions arising the receivables are recorded at buying rate of a commercial bank where the company group requires its customer to make payment;
- Transactions arising the payables are recorded at selling rate of a commercial bank where the company group expects to enter into a transaction; and
- Asset procurement transactions and costs which are paid immediately in foreign currency (not through the accounts payable) are recorded at buying rate of a commercial bank where the company group makes payment.

At the end of the accounting year, monetary items denominated in foreign currency are re-evaluated at the actual exchange rate at the balance-sheet date in the following principles:

- Monetary items classified as assets are recorded at selling rate of a commercial bank where the company group regularly enters into transactions; and
- Monetary items classified as liabilities are recorded at selling rate of a commercial bank where the company group regularly enters into transactions.

All actual exchange differences for the year and differences due to re-evaluation of foreign currency balance at the end of year are recorded to in the income statement.

4.6. Receivables

Receivables presented in the consolidated financial statements are stated at the carrying amounts receivable from the company group's customers and other receivables, plus provisions for doubtful debts. At the reporting date, if:

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

- Receivables bear a recovery or settlement period of less than one year (or within one production and business cycle), they are classified as current assets;
- Receivables bear a recovery or settlement period of more than one year (or more than one production and business cycle), they are classified as non-current assets;

The provision for doubtful receivables represents the expected loss due to non-payment of receivables by customers, arising from the balance of receivables at the end of the financial year.

The provision for doubtful receivables is made for receivables that are overdue for six months or more, or receivables that the debtor is unlikely to pay due to his liquidation, bankruptcy, or similar difficulties (excluding overdue customers who are in the process of making payments or have committed to making payment in the near future).

4.7. Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

The historical cost of the inventories is determined as follows:

- Raw materials and goods: The cost includes the cost of purchase and other directly related costs incurred to bring the inventories to their present location and condition;
- Work in progress: Cost includes direct materials and direct labor costs and those directly related overheads of the works being executed.

Net realizable value of the inventories is determined by the estimated selling price less all estimated costs to consume the inventories.

The Company uses the perpetual inventory method to account for inventories, with the value determined using weighted average method.

Provision for devaluation of inventories is recorded for materials and inventories whose cost is greater than their net realizable value according to Vietnamese accounting standard No. 02 "Inventories" and Circular No. 48/2019/TT-BTC dated August 08, 2019 of the Ministry of Finance providing guidance on making and settlement of provisions for devaluation of inventory, losses on financial investments, bad debts and warranty at enterprises.

4.8. Fixed assets and depreciation of fixed assets

Fixed assets are reflected at their original cost and accumulated depreciation.

Tangible fixed assets

The original cost of tangible fixed assets includes the purchase price and costs directly related to bringing the asset into a ready-to-use condition. The original cost of self-made or self-constructed tangible fixed assets includes construction costs, actual production costs incurred, plus installation and commissioning costs. Costs for upgrading tangible fixed assets are capitalized, increasing the original cost of the fixed asset; maintenance and repair costs are included in the business performance for the year. When a tangible fixed asset is sold or liquidated, the original cost and accumulated depreciation are written off, and any gains or losses arising from the liquidation of tangible fixed asset are accounted for in the business performance.

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

Depreciation of tangible fixed assets is calculated using the straight-line method, applied to all assets at a calculated rate to allocate the original cost over the estimated useful life, in accordance with guidelines in Circular No. 45/2013/TT-BTC dated April 25, 2013 of the Ministry of Finance on guiding the management, use and depreciation of fixed assets, Circular No. 147/2016/TT-BTC dated October 13, 2016 amending a number of articles of Circular No. 45/2013/TT-BTC and Circular No. 28/2017/TT-BTC dated April 12, 2017 amending a number of articles of Circular No. 45/2013/TT-BTC and Circular No. 147/2016/TT-BTC.

The depreciation periods of the Company's tangible fixed assets are as follows:

- | | |
|---|---------------|
| - Buildings and structures | 25 – 50 years |
| - Machinery and equipment | 05 – 07 years |
| - Transportation and transmission equipment | 06 – 08 years |
| - Management equipment and tools | 04 – 06 years |

4.9. Construction in progress

Construction in progress includes investments into fixed assets (costs of purchasing fixed assets or investing in capital investment) and cost of repairing the fixed assets that have been not completed at the end of the financial period. à chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Construction cost is recorded at cost. The assets after investment completion are depreciated as other fixed assets since the assets are in use.

4.10. Financial investments

Financial investments are accounted for using the cost method. The Company recognises as income in the income statement only the share of distributions from the investee's accumulated net profits arising after the date of investment. Other amounts received by the Company/Parent Company, in addition to the distributed profit, are considered as recovery of the investment and are recorded as a reduction in the cost of the investment.

Financial investments at the time of reporting, if:

- (i) a recovery or maturity period is no more than 90 days from the date of purchase of the investment are considered "cash equivalent";
- (ii) a recovery period is less than 1 (one) year or within 1 (one) business cycle are classified as short-term assets;
- (iii) a recovery period is more than 1 (one) year or more than 1 (one) business cycle are classified as a long-term asset (long-term financial investments).

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments include term deposits with banks that are held for the purpose of earning periodic interest.

Held-to-maturity investments are initially measured at purchase cost and investments purchase cost. After initial recognition, these investments are recorded at recoverable value.

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

When it is evident that a part or all of investment is unable to recover and losses are determined reliably, the losses are recorded to the financial expenses within the period and the investment value is directly decreased.

Investments into associates

Associates

An associate is an entity over which the company group has significant influence but has no control over financial and operating policies. The significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the associate but is not control over those policies.

Investments into associates are recorded using the equity method. Accordingly, the investments into associates are initially recognized in the consolidated financial statements at cost and adjusted thereafter for changes in the share of the associates' net interests after the date of investment. If the company group's interests in the associates' losses are greater than or equal to the book value of the investments, the investment value presented in the consolidated financial statements is zero unless the company group has an obligation to make payment on behalf of the associates.

The financial statements of the associates are prepared for the same account period to the consolidated financial statements of the company group. When the accounting policies of the associates are different from the ones applied consistently in the company group, proper adjustments are made to the financial statements of the associates before they are used in preparation of the consolidated financial statements.

Unrealized gains/ losses resulting from transactions with the associates are eliminated respectively to the share of the company group upon preparing the consolidated financial statements.

4.11. Prepaid expenses

Prepaid expenses include tools and instruments, value of the unqualifying assets as fixed assets, major repairs of fixed assets and other prepaid expenses. The prepaid expenses are gradually allocated to the production and business cost for a proper period as from the occurrence.

4.12. Liabilities

Liabilities presented in the consolidated financial statements at book value due to the suppliers of the company group and other accounts payable are in details for every entity. At the reporting time,:

- Liabilities with settlement period of less than 1 year (or one normal operating cycle) are classified as current liabilities;
- Liabilities with settlement period of more than 1 year (or more normal operating cycle) are classified as non-current liabilities.

4.13. Accrued expenses

Accrued expenses consist of expenses that have been included in operating expenses during the financial year but have not yet been paid as at the end of the financial year, including costs related to the historical cost of services rendered and general and

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

administrative expenses. When such expenses are actually incurred, in case of a difference from the amount already provisioned, the accountant will record an additional expense or a reduction in expenses corresponding to the difference.

4.14. Borrowing costs

Borrowing costs are recognized as expenses when incurred. In cases where borrowing costs are directly attributable to the investment in construction, or production of unfinished assets that necessarily take a substantial period of time (over 12 months) to be ready for their intended use or sale, such borrowing costs are capitalized.

For general borrowings that are used in part for the investment in construction or production of unfinished assets, the borrowing costs eligible for capitalization are determined by applying a capitalization rate to the weighted average accumulated expenditures incurred for the investment in construction or production of such assets. The capitalization rate is calculated using the weighted average interest rate of outstanding borrowings during the year, excluding borrowings that are specifically obtained for the purpose of forming a particular asset.

4.15. Provisions for liabilities

Principles for recognition of provisions for liabilities: Provisions for liabilities are recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The enterprise has a present obligation (legal or constructive) as a result of a past event;
- It is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation; and
- A reliable estimate can be made of the amount of the obligation.

Provisions for liabilities are made at the time of preparation of separate financial statements. If the amount of provision required in this accounting period is greater than the unused provision made in the previous accounting period, the difference is recognized as a production and business expense of such accounting period. If the amount of provision made in this accounting period is less than the unused provision made in the previous accounting period, the difference shall be reversed and recorded as a reduction in production and business expenses of such accounting period.

The Company's provisions for liabilities comprise: Construction warranty costs. This is a provision for product warranties made for each construction project with a warranty commitment, with the provision amount made according to the commitments with customers. The Company's provision for warranty costs in Quarter IV of 2025 is estimated according to the warranty provision policy, specifically as follows:

- For projects where the proportion of goods is 80% or more, and installation labor and auxiliary materials account for less than 20%, the Company does not make provisions for warranty for these projects because they are covered by the supplier's warranty policy.
- For projects where the proportion of goods is less than 75%, and installation labor and auxiliary materials account for 25% or more, the Company shall make a warranty provision for these projects according to the warranty commitment ratio in each contract, but not exceeding 5% of the total contract value.

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

4.16. Owner's equity

Contributed capital

Owner's investment capital: Recorded based on the actual amount invested by shareholders.

Capital surplus

Capital surplus records difference between the issue price and the par value of the shares when they are issued initially and additionally, difference between the re-issue price and the book value of the treasury stock and the share of convertible bonds upon maturity. Costs directly related to additional issuance of shares and re-issuance of treasury stocks are decreased in capital surplus.

Funds

The funds are made and used in accordance with the Company's Charter.

Profit distribution

Profits after corporate income tax are distributed to shareholders after provisions for funds have been made in accordance with the Company's Charter and legal regulations, and after adoption by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to shareholders takes into account non-monetary items within undistributed after-tax profits that may affect cash flows and dividend payment capacity, such as gains from the revaluation of contributed assets, gains from the revaluation of monetary items, financial instruments, and other non-monetary items.

Dividends are recognized as liabilities when approved by the General Meeting of Shareholders.

4.17. Revenue

Revenue is recognized when the outcome of a transaction can be reliably determined and the Company is able to obtain economic benefits from the transaction.

- (i) Revenue from sales of goods is recognized when the majority of risks and benefits associated with ownership of the goods have been transferred to the buyer and the goods have been delivered to the buyer and accepted by the customer.
- (ii) Revenue from construction is recognized in proportion to the portion of work completed and confirmed by the customer during the period, when the Company ensures that it will receive the benefit from the construction contract and the cost of completing the completed portion of work at the time of preparing the interim financial statements can be reliably calculated.
- (iii) Revenue from services rendered is recognized when the majority of risks and benefits have been transferred to the customer, the service has been rendered and accepted by the customer.
- (iv) Financial revenue comprises income from interest on deposits, on loans, exchange rate differences, and other financial revenues. Interest on deposits and loans is determined on an accrual basis, based on the balances of deposits and the applicable interest rate.

4.18. Financial expenses

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

The Company's financial expenses comprise interest expenses on borrowings, realized exchange rate losses, exchange rate losses from the year-end revaluation of monetary items denominated in foreign currencies, and provisions for long-term financial investments.

Financial expenses are recognized in detail for each actual expense incurred during the period and are reliably determined when sufficient evidence of these expenses is available

4.19. Taxes

Value Added Tax (VAT):

The VAT rate for the Company Group's services is 8%.

Corporate Income Tax (CIT):

The Company Group is subject to a corporate income tax rate of 20%.

Corporate income tax ("CIT") expense for the year, if any, includes current income tax and deferred income tax.

Current income tax means the tax calculated based on taxable income for the year at the tax rate applicable to that financial year. The difference between taxable income and accounting profit is due to adjustments for temporary differences between tax accounting and financial accounting, as well as adjustments for income or expenses that are not taxable or not deductible.

Deferred income tax means corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between the book value of assets and liabilities for separate financial reporting purposes and the values used for tax purposes. Deferred income tax payable is recognized for all taxable temporary differences. Deferred income tax assets are recognized only when it is certain that taxable profits will be available in the future to utilize these deductible temporary differences.

Other kinds of taxes: According to current regulations of Vietnam.

4.20. Financial instruments

Initial recognition

Financial assets: At the initial recognition date, financial assets are recognized at their historical cost plus any transaction costs directly related to the acquisition of such financial asset. The Company's financial assets include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, deposits, financial investments, and financial derivatives.

Financial liabilities: At the initial recognition date, financial liabilities are recognized at historical cost plus any transaction costs directly related to the issuance of such financial liabilities. The Company's financial liabilities include trade payables, other payables, accrued expenses, financial lease liabilities, borrowings, and financial derivatives.

Re-evaluation after initial recognition

Currently, there are no regulations regarding the revaluation of financial instruments after initial recognition.

4.21. Related parties

The presentation of relationships with related parties and transactions between the enterprise and related parties is carried out in accordance with Vietnamese Accounting

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

Standard No. 26 "Information on Related Parties" issued and published under Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated December 31, 2003 of the Minister of Finance, specifically:

Related parties are considered related if one party has the ability to control or significantly affect the other party in making decisions regarding financial and operational policies. Cases considered related parties include: Enterprises– including parent companies, subsidiaries, and affiliated companies; individuals who, directly or indirectly through one or more intermediaries, have control over the Company, are subject to the Company's control, or share control with the Company. Affiliated parties, individuals who directly or indirectly hold voting rights in the Company and have a significant influence over the Company, key management positions such as the General Director, Company officers, close family members of these individuals or affiliated parties, or companies affiliated with these individuals are also referred to as related parties.

When considering the relationship of each related party, the nature of the relationship is taken into account, not its legal form.

4.22. Basic/ diluted earnings per share

Basic earnings per share for ordinary shares are determined by dividing gains or losses attributed to the shareholders holding ordinary shares and the number of weighted average outstanding ordinary shares in the period.

Diluted earnings per share are determined by adjusting gains or losses attributed to the shareholders holding ordinary shares and the number of weighted average outstanding ordinary shares due to effects of the ordinary shares that are potentially diluted, including convertible bonds and share options.

5 ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE SEPARATE BALANCE SHEET**5.1 Cash and cash equivalents**

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Cash	577,840,539	402,295,835
Bank deposits	60,174,475,897	18,129,164,403
Cash equivalents (i)	32,667,751,689	79,444,038,334
Total	93,420,068,125	97,975,498,572

(i) Term deposits under contracts at BIDV and Techcombank; term of 1 to 3 months; interest rate from 3.6% to 5.8% per year.

5.2 Short-term trade receivables

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Trade receivables for the third parties	295,551,859,996	103,830,087,761
- Branch in Hung Yen – Vinhomes Joint Stock Company	1,294,319,058	23,538,893,905
- Spool Smart Pool Joint Stock Company	2,334,574,770	6,534,574,770
- Cat Hai Construction Company Limited	1,569,206,695	14,063,860,576

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- CNCTECH Global Joint Stock Company	194,554,522,225	-
- CNC Technology Solutions Joint Stock Company	19,029,989,000	-
- Cienco 5 Land Development Joint Stock Company	9,600,000,000	9,600,000,000
- Delta-Valley Binh Thuan Company Limited	8,118,447,923	8,118,447,923
- Kim Boi Trade and Travel Joint Stock Company	5,465,038,554	3,651,794,045
- Son Tien Tourist and Ecological City Joint Stock Company	3,045,824,261	-
- Sapa Lao Cai Development and Investment Joint Stock Company	9,769,472,130	-
- Nghe An Branch – Vinpearl Joint Stock Company	640,455,430	-
- Công ty cổ phần Vinhomes Joint Stock Company	8,648,858,559	-
- Other customers	31,481,151,391	38,322,516,542
Total	295,551,859,996	103,830,087,761

5.3 Short-term prepayment to suppliers

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Prepayment to suppliers as third parties	25,388,853,580	3,394,480,797
- Nguyen Gia Electrical Equipment Trading Joint Stock Company	4,578,899,773	-
- Spool Smart Pool Joint Stock Company	11,000,000,000	-
- Hoang Minh SX & TM Investment Company Limited	2,920,095,085	-
- Baleine Co., Ltd	486,275,200	486,275,200
- CID Vietnam Joint Stock Company	346,000,000	346,000,000
- HIKARU Investment and Development Company Limited	301,451,700	304,586,700
- Hoa Dat Trading Investment Co., Ltd	900,375,813	-
- Viettel Construction Joint Stock Corporation	-	537,553,462
- Other suppliers	4,855,756,009	1,720,065,435
Total	25,388,853,580	3,394,480,797

5.4 Short-term loan receivables

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Mr. Nguyen Viet Thang (i)	8,106,630,137	8,106,630,137
- Spool Smart Pool Joint Stock Company (ii)	5,000,000,000	-
- Gia Phu Capital Vietnam Joint Stock Company (iii)	10,000,000,000	-
- Mrs. Vu Thi Nga (iv)	12,000,000,000	-
Total	35,106,630,137	8,106,630,137

(i) The loan granted to Mr. Nguyen Viet Thang on February 15, 2023, was secured by 10% of the charter capital owned by Mr. Nguyen Viet Thang in Song Thao Company Limited. On October 2, 2023, the Company signed a contract to repurchase 10% of Mr. Nguyen Viet Thang's contributed

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

capital in Song Thao Company Limited for a transfer value of VND 11,106,630,137. The loan will be offset against the transfer amount payable to Mr. Nguyen Van Thang upon completion of the transfer procedures. However, due to incomplete transfer procedures, Mr. Nguyen Viet Thang has temporarily repaid a portion of the loan (VND 3 billion) and will repay the loan above in full if the transfer procedures are not fully completed. The loan is secured by collateral.

(ii) và (iii), (iv) Loan agreements with a term of 12 months, interest rates of 7-7.5%/ year.

5.5 a. Other short-term receivables

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Value	Provision	Value	Provision
- Advances	608,000,000	-	8,151,650	-
- Bank deposits, escrows	24,844,877,435	-	4,624,185,223	-
- Sun Ha Nam Joint Stock Company (i)	11,751,689,774	-	-	-
- Novareal Joint Stock Company (ii)	20,338,999,164	-	20,338,999,164	-
- Interest accrued on deposits	19,957,644	-	311,692,593	-
- Land compensation according to Decision No. 60/PA-HD for the People's Committee of Khoai Chau District (iii)	1,380,000,900	-	1,380,000,900	-
- Land Fund Development Center of Phu Tho Province (iv)	24,115,459,000	-	-	-
- Other receivables	298,828,361	-	175,000	-
Total	83,357,812,278	-	26,663,204,530	-

(i) The value paid (in the form of debt offsetting) to Sun Ha Nam Joint Stock Company for buying two apartments C19109 + C19111, according to sales contracts No. C19109/SUC/HĐMBNO and C19109/SUC/HĐMBNO and C19111/SUC/HĐMBNO

(ii) Deposit according to the written agreement No. VTV.2-SH02/2023/VBTT/NVR-HVC dated March 28, 2023, the Company made a deposit to sign the contract when Novareal Joint Stock Company, the "Investor of the 4.2777-hectare residential area project in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City," meets the conditions for selling real estate.

(iii) Deposit to guarantee implementation of the investment project for HVC production factory for iron and steel equipment, water treatment equipment and wood furniture in Tan Dan Commune, Khoai Chau District, Hung Yen Province. According to the Official Letter No. 897/STC-GCN&DN dated August 02, 2022 of the Department of Finance of Hung Yen Province, such deposits shall be deducted to the land rental payable after HVC Hung Yen Company Limited meets reimbursement conditions as prescribed in Article 26, Decree No. 31/2021/ND-CP dated March 26, 2021 of the Government.

(iv) Advances to the Land Fund Development Center of Phu Tho Province to prepare the procedures of land acquisition for the investment project for real estate construction in Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho Province.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

b. Other long-term receivables:**Long-term office deposit:**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Value	Provision	Value	Provision
- Long-term office deposits	33,000,000	-	33,000,000	-
Total	33,000,000	-	33,000,000	-

5.6 Bad debts

	Overdue period	31/12/2025 (VND)		Overdue period	01/01/2025 (VND)	
		Cost	Provision		Cost	Provision
- Kim Thanh General Hospital, Hai Duong	> 3 years	282,800,000	(282,800,000)	> 3 years	282,800,000	(282,800,000)
- Milton Joint Stock Company	> 3 years	435,848,744	(435,848,744)	> 3 years	435,848,744	(435,848,744)
- Cienco 5 Land Development Joint Stock Company	> 3 years	9,600,000,000	(9,600,000,000)	> 3 years	9,600,000,000	(9,600,000,000)
- Rivera Investment Joint Stock Company	> 3 years	629,241,493	(629,241,493)	2- 3 years	629,241,493	(629,241,493)
- Delta valley Binh Thuan Company Limited	2- 3 years	8,118,447,924	(5,682,913,547)	1- 2 years	8,118,447,924	(4,059,223,962)
- IDJ Vietnam Investment Joint Stock Company	1- 2 years	1,941,044,667	(997,801,848)	1- 2 years	-	-
- Receivables from other organizations and individuals	> 3 years	1,416,332,536	(1,416,332,536)	> 3 years	1,725,648,546	(1,423,179,785)
Total		22,423,715,364	(19,044,938,168)		20,791,986,707	(16,430,293,984)

Situation of fluctuation in provisions for short-term doubtful debts

	This year (VND)	Previous year (VND)
Opening balance	16,430,293,984	14,026,389,059
Provision for the period	2,614,644,184	2,403,904,925
Reversal of provision for the period	-	-
Closing balance	19,044,938,168	16,430,293,984

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

5.7 Inventories

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Cost	Provision	Cost	Provision
- Raw materials	4,226,813,004	-	2,345,922,652	-
- Work in progress	89,365,194,592	-	63,570,766,266	-
- Goods	18,139,751,183	-	25,371,170,602	-
Total	111,731,758,779	-	91,287,859,520	-

5.8 a. Short-term prepaid expenses

	01/01/2025 (VND)	Increase in year (VND)	Cost allocation in year (VND)	31/12/2025 (VND)
Tools, instruments	23,706,266	183,183,428	29,998,299	176,891,395
Total	23,706,266	183,183,428	29,998,299	176,891,395

b. Long-term prepaid expenses

	01/01/2025 (VND)	Increase in year (VND)	Cost allocation in year (VND)	31/12/2025 (VND)
Tool, instruments	955,067,713	593,679,008	591,500,147	957,246,574
Total	955,067,713	593,679,008	591,500,147	957,246,574

(Continue to the next page)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

5.9 Increase, decrease in tangible fixed assets

	Buildings, structures (VND)	Machinery and equipment (VND)	Means of transport and transmission (VND)	Management equipment (VND)	Total (VND)
Original cost					
01/01/2025	55,148,627,525	12,529,028,303	4,863,680,673	1,028,136,936	73,569,473,437
Purpose for the period	97,200,000	134,259,260	640,848,000	99,062,500	971,369,760
Completed construction investment	-	-	-	-	-
Liquidation and disposal	-	-	-	-	-
31/12/2025	55,245,827,525	12,663,287,563	5,504,528,673	1,127,199,436	74,540,843,197
Where:					
Fully depreciated but still in use	1,333,400,046	312,675,200	1,234,932,727	127,000,000	3,008,007,973
Depreciation value					
01/01/2025	15,191,680,551	5,450,754,815	2,921,602,365	645,660,410	24,209,698,141
Depreciation for the period	2,080,366,419	990,746,466	460,811,224	108,572,184	3,640,496,293
31/12/2025	17,272,046,970	6,441,501,281	3,382,413,589	754,232,594	27,850,194,434
Residual value					
01/01/2025	39,956,946,974	7,078,273,488	1,942,078,308	382,476,526	49,359,775,296
31/12/2025	37,973,780,555	6,221,786,282	2,122,115,084	372,966,842	46,690,648,766

5.10 Increase, decrease in intangible fixed assets

Project management software

	Original cost (VND)	Accumulated depreciation (VND)	Residual value (VND)
01/01/2025	32,000,000	22,399,986	9,600,014
Increase for the period	-	6,399,996	-
Decrease for the period	-	-	-
31/12/2025	32,000,000	28,799,982	3,200,018

5.11 Investment properties

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Purchase of investment properties (i)	2,814,624,000	2,814,624,000
Total	2,814,624,000	2,814,624,000

(i) Land use right value in Bach Quang Ward, Thai Nguyen Province

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

5.12 Construction in progress

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Value of investment properties in Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho Province	151,482,082,656	178,015,835,737
Total	151,482,082,656	178,015,835,737

5.13 Other long-term financial investments*Investments to joint ventures and associates*

Company name	01/01/2025 (VND)	New investment in year (VND)	Gain/ (loss) distribution from associates for the period (VND)	31/12/2025 (VND)
Chi Thanh Joint Stock Company	119,743,182,005	-	(23,134,577)	119,720,047,428
Total	119,743,182,005	-	(23,134,577)	119,720,047,428

Details of the associates:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Interest ratio	Voting ratio	Book value using equity method (VND)	Interest ratio	Voting ratio	Book value using equity method (VND)
Chi Thanh Joint Stock Company (*)	44,20%	45,00%	119,720,047,428	44,00%	45,00%	119,743,182,005
Total			119,720,047,428			119,743,182,005

(*) Chi Thanh Joint Stock Company is an affiliated company of the Parent Company with direct voting ratio of 20% and indirect voting ratio through HVC Hung Yen Company Limited (a subsidiary of the parent company holding 99.00% of the voting right) of 10.00%, HVC Construction Total Contractor Joint Stock Company (a subsidiary of the parent company holding 90.00% of the voting right) of 3.00% and HVC Park Entertainment Equipment Company Limited (a subsidiary of the parent company holding 95.00% of the voting right) of 12.00%. Thereby, as at December 30, 2025 the voting ratio of the parent company at Chi Thanh Joint Stock Company is 45.00% and the interest ratio is 44.20%.

5.14 Deferred income tax assets

Deferred income tax assets related to temporary difference deducted due to consolidation of the financial statements. Details are as follows:

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Deferred income tax assets	271,211,188	62,136,986
Total	271,211,188	62,136,986

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

5.15 Short-term trade payables to suppliers

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Value	Credit-worthy amount	Value	Credit-worthy amount
- Gia Vinh Trading and Investment Company Limited	9,583,400,572	9,583,400,572	3,468,318,857	3,468,318,857
- YIXING SEA FOUNTAIN EQUIPMENT CO., LTD	2,442,575,800	2,442,575,800	8,217,265,222	8,217,265,222
- ATL Investment and Trading Joint Stock Company	184,048,086	184,048,086	5,756,322,122	5,756,322,122
- Ademax Joint Stock Company	-	-	5,151,845,600	5,151,845,600
- Duy Tan Co., Ltd	195,175,364	195,175,364	207,769,704	207,769,704
- Công ty TNHH SX-TM-ĐT- XD Hải Hà, chi nhánh Hà nội	1,166,595,643	1,166,595,643	-	-
- Taihan Cable Vina Co., Ltd	5,181,560,472	5,181,560,472	-	-
- Song Thao Investment Joint Stock Company	68,019,151,078	68,019,151,078	-	-
- Other suppliers	24,060,363,160	24,060,363,160	20,483,095,084	20,483,095,084
Total	110,832,870,175	110,832,870,175	43,210,326,338	43,210,326,338

5.16 Short-term accrued expenses

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Customers as third parties	109,992,135,686	43,137,643,120
- SCG Construction Group Joint Stock Company	17,899,793,233	9,869,383,667
- Van Phuc Real Estate Investment Joint Stock Company	7,266,166,287	7,266,166,287
- Tung Feng Construction Engineering (Vietnam) Co., Ltd	10,664,827,603	17,486,560,585
- Olympia Civil Construction Limited Liability Company	8,165,412,739	4,758,229,699
- OLYMPIA Industrial Construction Limited Liability Company	8,475,461,236	-
- HO TAY Project Management and Construction Company Limited	16,352,978,542	-
- Vincons Construction Development and Investment Joint Stock Company	10,216,423,026	-
- Phenika University	15,806,823,621	-
- Other customers	15,144,249,399	3,757,302,882
Total	109,992,135,686	43,137,643,120

(Continue to the next page)

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
Quarter IV of 2025

5.17 Taxes and other receivables from the State

	01/01/2025		Amount incurred for the period		31/12/2025	
	Payable	Receivable	Actually paid	Amount payable	Receivable	Actually paid
- VAT	484,858,590	41,805,569	2,828,444,261	3,226,980,826	892,305,078	8,909,923
- Import VAT	-	-	650,499,163	650,499,163	-	-
- Import tax	-	-	99,974,831	99,974,831	-	-
- Corporate income tax	8,040,741,454	-	8,340,496,474	10,881,464,558	10,581,709,538	-
- Personal income tax	136,061,169	-	1,242,314,284	1,177,939,894	71,686,779	-
- Others	-	-	-	6,243,600	6,243,600	-
Total	8,661,661,213	41,805,569	13,161,729,013	16,043,102,872	11,551,944,995	8,909,923

5.18 Other short-term payables

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Payment of dividends to shareholders	-	12,193,449,000
- Other short-term payables	290,333,234	-
Total	290,333,234	12,193,449,000

5.19 Short-term borrowings and financial lease liabilities

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Value	Credit-worthy amount	Value	Credit-worthy amount
Short-term borrowings from Techcombank (i)				
+ Credit contract(i, 1)	122,104,991,468	122,104,991,468	-	-
+ Credit limit / discount limit contract (i,2)	13,130,675,349	13,130,675,349	27,995,306,870	27,995,306,870
Short-term borrowings from NCB (ii)				
+ Credit limit / discount limit contract (ii, 1)	5,210,720,990	5,210,720,990	-	-
Total	140,446,387,807	140,446,387,807	27,995,306,870	27,995,306,870

(i.1) Short-term borrowings from Techcombank – Head Office under the credit contract No. HS020140019/HDHMTD dated September 09, 2014, Appendix No. HS020140019/HDHMTD/PLHM-2804177 dated February 25, 2025 with credit limit of VND 250,000,000,000. Term of credit limit is 12 months (as from February 25, 2025 to February 25, 2026), Appendix No. HS020140019 /HDHMTD/PLHM-3100606 dated May 06, 2025 with credit

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

limit of VND 370,000,000,000. Purpose for borrowings is to add working capital for production and business. Interest rate of the borrowings is defined at the time of disbursement on the debenture.

(i.2) Credit limit/ discount limit contract No. HSO20252804177/HDCK of the parent company signed on February 25, 2025 with discount limit of VND 50,000,000,000. Term of discount limit is 12 months (from February 25, 2025 to February 25, 2026) and credit limit/ discount limit contract No. HSO20252804246/HDCK of HVC Park Entertainment Equipment Company Limited signed on February 25, 2025 with discount limit of VND 25,000,000,000. Term of discount limit is 12 months (from February 25, 2025 to February 25, 2026)

(ii.1) Borrowings from NCB under the following contract:

- Credit Limit Contract No. 7724/25/HDHM/HKM dated October 10, 2025 with maximum credit limit of VND 100,000,000,000 (One hundred billion Vietnam dong)

5.20 Provisions

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Short-term		
- Provision for warranty of construction works	1,089,454,521	2,478,337,262
Total	1,089,454,521	2,478,337,262

(Continue to the next page)

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

5.21 Owner's equity

Comparison of changes in the owner's equity

	Invested capital (VND)	Capital surplus (VND)	Treasury stock (VND)	Undistributed profit (VND)	Non-controlling interests (VND)	Total (VND)
01/01/2024	406,448,300,000	(4,390,693,200)	-	78,943,725,571	6,994,208,268	487,995,540,639
Interest in previous year	-	-	-	30,206,427,734	355,991,832	30,562,419,566
Capital contribution in subsidiaries	-	-	-	-	44,112,017,105	44,112,017,105
Advances for dividend payment in cash	-	-	-	(12,193,449,000)	-	(12,193,449,000)
Increase due to business combination	-	-	-	-	885,504,349	885,504,349
31/12/2024	406,448,300,000	(4,390,693,200)	-	96,956,704,305	52,347,721,554	551,362,032,659
01/01/2025	406,448,300,000	(4,390,693,200)	-	96,956,704,305	52,347,721,554	551,362,032,659
Change in ownership ratio in subsidiaries	-	-	-	732,875,031	(2,732,875,031)	(2,000,000,000)
Issuance of shares to pay dividends	28,445,040,000	-	-	(28,445,040,000)	-	-
Cost for share issuance	-	(100,000,000)	-	-	-	(100,000,000)
Profit for the period	-	-	-	41,897,157,773	198,146,977	42,095,304,750
31/12/2025	434,893,340,000	(4,490,693,200)	-	111,141,697,109	49,812,993,500	591,357,337,409

According to Resolution No. 09/HVC/NQ-HDQT/2024 dated December 11, 2024 of the Board of Management, the Company paid advances on dividends in 2024 to the shareholders at 3% (equivalent to VND 12,193,449,000). In early January 2025, the Company paid advances on dividends.
According to Resolution No. 01/2025/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 22/4/2025 of the Annual General Meeting of Shareholders 2025, the company issued 2,844,504 shares to pay dividends in 2024. Ho Chi Minh City Stock Exchange accepted additional listing of the above stocks as from June 12, 2025

(Continue to the next page)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

Capital transactions with the owners and distribution of dividends and profits

	31/12/2025	01/01/2025
	(VND)	(VND)
Owner's invested capital		
Contributed capital at the beginning of period	406,448,300,000	406,448,300,000
Contributed capital for the period	28,445,040,000	-
Decrease in contributed capital for the period	-	-
Contributed capital at the end of the period	434,893,340,000	406,448,300,000
Dividends and profits distributed		
<i>In cash</i>	12,193,449,000	-
<i>By shares</i>	28,445,040,000	-

Shares

	31/12/2025	01/01/2025
	(VND)	(VND)
Number of shares registered to be issued	43,489,334	40,644,830
Number of shares issued	43,489,334	40,644,830
- <i>Ordinary shares</i>	43,489,334	40,644,830
Number of shares redeemed (treasury stock)	-	-
- <i>Ordinary shares</i>	-	-
Number of outstanding shares	43,489,334	40,644,830
- <i>Ordinary shares</i>	43,489,334	40,644,830

Par value of outstanding shares: VND 10,000/share

(Continue to the next page)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

6 ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**6.1. Gross revenue from sales of goods and rendering of services**

	Quarter IV of 2025 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2025 (VND)	Quarter IV of 2024 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2024 (VND)
Gross revenue	361,203,664,528	700,777,051,426	103,068,453,331	393,590,487,971
- Revenue from sales of goods	453,172,911	41,116,682,494	-	49,371,579,261
- Revenue from sales of finished products	5,737,940,052	20,028,668,476	6,015,854,869	11,323,035,161
- Revenue from industrial workshops	307,848,775,192	491,340,279,446	-	-
- Revenue from construction and installation	47,163,776,373	148,291,421,010	97,052,598,462	329,903,663,836
- Revenue from sale of investment properties	-	-	-	2,878,136,924
- Revenue of rendering of services	-	-	-	114,072,789
Net revenue	361,203,664,528	700,777,051,426	103,068,453,331	393,590,487,971

6.2 Cost of goods sold and services rendered

	Quarter IV of 2025 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2025 (VND)	Quarter IV of 2024 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2024 (VND)
- Cost of sale of goods	362,538,328	38,663,982,848	-	43,459,968,217
- Cost of sale of finished products	5,219,144,271	15,776,986,642	5,155,055,016	8,988,273,232
- Cost of industrial workshops	279,588,669,711	439,587,354,432	-	-
- Cost of construction and installation	42,273,418,576	121,800,904,637	79,754,955,202	274,118,494,997
- Cost of sale of investment properties	-	-	-	2,962,220,304
Total cost	327,443,770,886	615,829,228,559	84,910,005,306	329,528,956,750

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

6.3. Revenue from financial activities

	Quarter IV of 2025 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2025 (VND)	Quarter IV of 2024 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2024 (VND)
- Deposit interest	1,071,594,371	2,959,937,278	355,158,921	1,856,349,803
- Gain on exchange rate difference	-	-	-	32,216,515
Total	1,071,594,371	2,959,937,278	355,158,921	1,888,566,318

6.4. Financial expenses

	Quarter IV of 2025 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2025 (VND)	Quarter IV of 2024 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2024 (VND)
- Loan interest cost	1,495,712,389	3,750,129,943	390,996,423	639,077,433
- Loss on exchange rate difference	15,430,759	220,845,030	1,971,518	117,226,560
Total	1,511,143,148	3,970,974,973	392,967,941	756,303,993

6.5. Selling expenses

	Quarter IV of 2025 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2025 (VND)	Quarter IV of 2024 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2024 (VND)
- Provision/ reversal of warranty of construction works	(1,049,565,795)	(1,388,882,741)	(429,251,158)	(3,080,508,605)
- Outsourced service expenses	126,503,014	827,059,981	29,246,658	905,909,541
- Other expenses	-	-	-	86,700,800
Total	(923,062,781)	(561,822,760)	(400,004,500)	(2,087,898,264)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

6.6. General and administrative expenses

	Quarter IV of 2025 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2025 (VND)	Quarter IV of 2024 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2024 (VND)
- Expenses to managers	6,276,215,281	21,364,274,274	5,846,230,166	19,466,837,318
- Expenses to management supplies	77,395,947	496,958,055	772,353,899	524,005,498
- Expenses for depreciation of fixed assets	818,643,872	3,119,775,692	914,381,918	2,777,154,852
- Reversal/ provision expenses	6,123,345,812	1,854,121,850	1,518,393,051	2,403,904,925
- Taxes, fees and charges	276,550,552	542,301,828	133,148,778	27,243,600
- Outsourced service expenses	-	399,862,613	70,546,657	2,569,113,076
- Other expenses	558,243,736	4,103,748,731	-	1,281,038,805
Total	14,130,395,200	31,881,043,043	9,255,054,469	29,049,298,074

6.7. Other income

	Quarter IV of 2025 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2025 (VND)	Quarter IV of 2024 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2024 (VND)
- Fines for violating the contracts with the suppliers	-	23,231,330	-	131,915,877
- Other incomes	36,606,637	530,622,023	405,776,487	672,527,722
Total	36,606,637	553,853,353	405,776,487	804,443,599

6.8. Other expenses

	Quarter IV of 2025 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2025 (VND)	Quarter IV of 2024 (VND)	Accumulated from the beginning of the year to 31/12/2024 (VND)
- Tax fine and fines for administrative violations	-	144,192,458	-	-
- Other expenses	221,669,077	252,048,005	204,236,421	637,322,136
Total	221,669,077	396,240,463	204,236,421	637,322,136

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

6.9. Current corporate income tax expenses

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Current corporate income tax expenses on taxable income for the year	10,865,812,654	7,861,464,758
Total	10,865,812,654	7,861,464,758

Current corporate income tax expenses are estimated as follows:

	2025 (VND)	2024 (VND)
Arising in the parent company (HVC Investment and Technology Joint Stock Company)	9,150,676,615	5,598,263,665
Arising in the subsidiary (HVC Hung Yen Company Limited)	857,145,347	774,797,974
Arising in the subsidiary (HVC Construction Total Contractor Joint Stock Company)	225,613,862	186,606,224
Arising in the subsidiary (HVC Park Entertainment Equipment Company Limited)	549,910,569	1,293,570,187
Arising in the subsidiary (Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company)	52,955,924	3,248,703
Arising in the subsidiary (HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company)	29,510,337	4,978,005
Current corporate income tax expenses	10,865,812,654	7,861,464,758

6.10 Basic earning per share*a. Basic earnings per share*

	2025 (VND)	2024 (VND)
Accounting profit after corporate income tax of the parent company's shareholders	41,897,157,773	30,206,427,734
Adjustments of increase/ decrease in accounting profits to determine the profits allocated to the shareholders owning ordinary shares:	-	-
Profit on basic earnings per share	41,897,157,773	30,206,427,734
Average number of outstanding ordinary shares per year (*)	43,489,334	40,644,830
Basic earnings per share	963	743

The company group has no potential diluted shares at the end of the financial year.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Add: 8th Floor, Tower C – Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

NOTES TO CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Quarter IV of 2025

7 OTHER INFORMATION

7.1. Contingent liabilities, commitments, and other financial information: None

7.2. Going concern of the Company

There have been no events that cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern, and the Company has neither the intention nor the necessity to cease operations or to significantly scale down its operations.

January 27, 2026

PREPARED BY

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong